

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2020

“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chào
Ông Lê Trung Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 557/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1977, nơi cư trú: số X, tổ T, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ T, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn ông A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông bà do yêu thương nhau nên tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 5/2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà B không quan tâm chăm sóc gia đình mà lại ham mê cờ bạc, gây nợ nần cho gia đình và có mối quan hệ bên ngoài với người đàn ông khác. Dù ông đã tha thứ và khuyên can bà nhiều lần nhưng bà vẫn không thay đổi, lần gần đây nhất bà lại gây nợ rồi bỏ nhà đi để lại nợ cho ông phải vừa làm nuôi con vừa lo trả nợ. Hiện ông bà đã ly thân hơn 03 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 02 (hai) con chung tên C, sinh ngày 13/3/2002 và D, sinh ngày 25/5/2008. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà B vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông A yêu cầu ly hôn với bà B sinh sống tại Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông A và bà B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong thời gian chung sống, Ông A trình bày bà B ham mê cờ bạc nhiều lần gây nợ nần, dù ông đã khuyên can nhưng bà vẫn không sửa đổi, nay tình cảm vợ chồng không còn nên Ông A yêu cầu được ly hôn. Bà B tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bà, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

Do ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông A và bà B.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Ông bà có 02 con chung tên C, sinh ngày 13/3/2002 và D, sinh ngày 25/5/2008. Khi ly hôn, ông A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, cháu D và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện cháu C và cháu D đang do ông A nuôi dưỡng và hai cháu cũng thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng cha. Xét thấy, để đảm bảo ổn định tâm lý và cuộc sống sinh hoạt của 02 cháu cũng như phù hợp với nguyện

vọng của cháu C và cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu C và cháu D cho ông A được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do ông A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông A và gia đình không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quan hệ nợ chung: Ông A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

- ***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà B.

- Về quan hệ con chung:

Ông bà có 02 con chung tên C, sinh ngày 13/3/2002 và D, sinh ngày 25/5/2008. Giao cháu C và cháu D cho ông A được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà B không phải cấp dưỡng nuôi con do ông A không có yêu cầu.

Ông A và gia đình không được ngăn cản bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có

thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005351 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Bà B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TỌA**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Hường